

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TIẾT 24;25. BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	Ôn lại các kiến thức đã học trong chương I. Số tự nhiên.

Bài ghi học sinh

TIẾT 24;25. BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I

BÀI TẬP (HS LÀM BÀI VÀO VỞ BÀI TẬP)

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức (bằng cách hợp lí nếu có thể).

$$a / A = 37.173 + 62.173 + 173; \quad b / B = 72.99 + 28.99 - 900;$$

$$c / C = 2^3.3 - (1^{10} + 15) : 4^2 \quad d / D = 6^2 : 4.3 + 2.5^2 - 201^0$$

Hướng dẫn giải:

$A = 37.173 + 62.173 + 173$ $A = 173.(37 + 62 + 1)$ $A = 173.100$ $A = 17300$	$B = 72.99 + 28.99 - 900$ $B = 99.(72 + 28) - 900$ $B = 99.100 - 900$ $B = 9900 - 900$ $B = 9000$	$C = 2^3.3 - (1^{10} + 15) : 4^2$ $C = 8.3 - (1 + 15) : 16$ $C = 24 - 16 : 16$ $C = 24 - 1 \quad C = 23$	$D = 6^2 : 4.3 + 2.5^2 - 201^0$ $D = 36 : 4.3 + 2.25 - 1$ $D = 9.3 + 50 - 1$ $D = 27 + 50 - 1$ $D = 76$
--	---	---	---

Bài 2. Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

$$a) A = \{a \in \mathbb{N} \mid 84 : a; 180 : a \text{ và } a > 6\}; \quad b) B = \{b \in \mathbb{N} \mid b : 12; b : 15; b : 18 \text{ và } 0 < b < 300\}$$

Giải

$a / A = \{a \in \mathbb{N} \mid 84 : a; 180 : a \text{ và } a > 6\}$ Vì $84 : a; 180 : a$ nên $a \in \text{ƯC}(84; 180)$ $84 = 2^2.3.7$; $180 = 2^2.3^2.5$ $\text{ƯCLN}(84; 180) = 2^2.3 = 12$ $\text{ƯC}(84; 180) = \text{Ư}(12) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$ Mà $a > 6$ $\Rightarrow a = 12$ Vậy $A = \{12\}$	$b / B = \{b \in \mathbb{N} \mid b : 12; b : 15; b : 18 \text{ và } 0 < b < 300\}$ Vì $b : 12; b : 15; b : 18$ Nên $b \in \text{BC}(12; 15; 18)$ $12 = 2^2.3$; $15 = 3.5$; $18 = 2.3^2$ $\text{BCNN}(12; 15; 18) = 2^2.3^2.5 = 180$ $\text{BC}(23; 15; 18) = B(180) = \{0; 180; 360; \dots\}$ Mà $0 < b < 300$. $\Rightarrow b = 180$ Vậy $B = \{180\}$
--	--

Bài 3. Trong dịp “Hội xuân”, để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A bán hai mặt hàng (như bảng sau) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng.

STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
1	Trà sữa	100 li	8 500 đồng	12 000 đồng
2	Dừa	70 quả	9 800 đồng	15 000 đồng

Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như sau: trà sữa bán được 93li, dừa bán được 64 quả. Hỏi lớp 6A đã thu được bao nhiêu tiền lãi? Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đã đề ra không?

Hướng dẫn giải

Số tiền bán trà sữa là: $93.12000 = 1116000$ (đồng)

Số tiền bán dừa là: $64.15000 = 960000$ (đồng)

Lớp 6A đã thu được số tiền là: $1116000 + 960000 = 2076000$ (đồng)

Số tiền vốn mua trà sữa: $100.8500 = 850000$ (đồng)

Số tiền vốn mua dừa $70.9800 = 686000$ (đồng)

Số tiền vốn bỏ ra là: $850000 + 686000 = 1536000$ (đồng)

Số tiền lãi thu về của lớp 6A là: $2076000 - 1536000 = 540000$ (đồng)

Vì $540000 \text{ đồng} > 500000 \text{ đồng}$ nên lớp 6A hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Bài 4. Thực vật được cấu tạo bởi các tế bào. Tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì phân chia ra thành 2 tế bào con. Các tế bào con tiếp tục tăng kích thước và lại phân chia thành 4 tế bào, rồi thành 8 tế bào,...Hãy cho biết số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư, thứ năm, thứ sáu từ một tế bào ban đầu.

Hướng dẫn giải

Số tế bào con sau phân chia lần 1 là: 2 (tế bào)

Số tế bào con sau phân chia lần 2 là: $2^2 = 4$ (tế bào)

Số tế bào con sau phân chia lần 3 là: $2^3 = 8$ (tế bào)

Số tế bào con sau phân chia lần 4 là: $2^4 = 16$ (tế bào)

Số tế bào con sau phân chia lần 5 là: $2^5 = 32$ (tế bào)

Số tế bào con sau phân chia lần 6 là: 2^6 (tế bào)

Bài 5. Nhóm các bạn lớp 6B cần chia 48 quyển vở, 32 chiếc thước kẻ và 56 bút chì vào trong các túi quà để mang tặng cho các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số quyển vở, thước kẻ và bút chì ở mỗi túi đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia được. Khi đó, số lượng vở, thước kẻ, bút chì trong mỗi túi là bao nhiêu?

Hướng dẫn giải

Số nhóm được chia phải là ước của cả 48; 32; 56.

Số nhóm được chia phải là nhiều nhất có thể.

Vì vậy, số nhóm được chia là $UCLN(48; 32; 56)$

$$48 = 2^4 \cdot 3;$$

$$32 = 2^5;$$

$$56 = 2^3 \cdot 7$$

$$UCLN(48; 32; 56) = 2^3 = 8$$

Do đó :Số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia được là 8 túi quà.

Số quyển vở trong mỗi túi là: $48:8 = 6$ (quyển vở)

Số thước kẻ trong mỗi túi là: $32:8 = 4$ (thước kẻ)

Số bút chì trong mỗi túi là: $56:8 = 7$ (bút chì)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Câu 1. Gọi X là tập hợp các chữ cái trong từ “thanh”. Cách viết đúng là: A. $X = \{t, h, a, n, h\}$. B. $X = \{t, h, n\}$. C. $X = \{t, h, a, n\}$. D. $X = \{t, h, a, n, m\}$. Câu 2. Gọi X là tập hợp các số tự nhiên không lớn hơn 5. Cách viết sai là: A. $X = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$. B. $X = \{0; 2; 4; 1; 3; 5\}$. C. $X = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 5\}$. D. $X = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 5\}$. Câu 3. Cách viết nào sau đây là sai? A. $a + b = b + a$. B. $ab = ba$.

	C. $ab + ac = a(b + c)$. D. $ab - ac = a(c - b)$. Câu 4. Nhẩm xem kết quả phép tính nào dưới đây là đúng? A. $12.11 = 122$. B. $13.99 = 1170$ C. $14.99 = 1386$. D. $45.9 = 415$. Câu 5. ƯCLN(18, 24) là: A. 24. B. 18. C. 12. D. 6. Câu 6. BCNN(3, 4, 6) là: A. 72. B. 36. C. 12. D. 6.
--	--

2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường: THCS Tân Quý Tây Lớp:..... Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Số & Đại số 6	Mục 1: Mục 2:	1. 2.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TIẾT 26. SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN ÂM

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	Đọc Mục 1. Làm quen với số nguyên âm SGK Toán 6 trang 49 -Thực hiện: Khám phá 1; Thực hành 1.

Bài ghi học sinh

TIẾT 26. SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN ÂM

1. Làm quen số nguyên âm:

- Số nguyên âm được ghi như sau: -1; -2; -3; ... và được đọc là âm một, âm hai, âm ba, ... hoặc là trừ một, trừ hai, trừ 3, ...

Ví dụ: Nhiệt độ 1 độ dưới 0°C , 2 độ dưới 0°C , 3 độ dưới 0°C , ... lần lượt được viết là -1°C , -2°C , -3°C , ...

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Câu 1. Mùa đông ở Siberia (Nga) dài và khắc nghiệt, với nhiệt độ trung bình tháng 1 là âm 25°C. Số nguyên âm để diễn tả nhiệt độ ở câu trên là: A. - 25 B. 25. C. 0. D. - 1 Câu 2. Trong các số sau: 8; 90; -5; 0 số nào là số nguyên âm? A. 8 B. 90 C. -5 D. 0

2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường: THCS Tân Quý Tây Lớp:..... Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Số & Đại số 6	Mục 1:	1.